

Bản án số: 11/2021/DS-PT

Ngày 26/4/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Hữu Tăng

Ông Phạm Trung Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xử số: 05/2021/QĐ-PT ngày 17/02/2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-PT, ngày 05/3/2021; số 02/2021/QĐ-PT, ngày 26/3/2021; số 07/2021/QĐ-PT, ngày 12/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Tiến D, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 261, đường P, phường D, quận B, thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Đỗ Đức T, sinh năm 1997, có mặt.

Địa chỉ: Phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Đường Khánh N – Luật sư - Công ty luật trách nhiệm hữu hạn K, có mặt.

Địa chỉ: Đường H, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn:

- Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1960, có mặt.

- Ông Trần Bá D1, sinh năm 1956, có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 23, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Bá H, sinh năm 1984, vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 23, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Nguyễn Thủy H1, sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 261, đường P, phường D, quận B, thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Anh Đỗ Tiến D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Tiến D trình bày:

Anh Đỗ Tiến D cho vợ chồng bà Đỗ Thị Th và ông Trần Bá D1 vay 2.800.000.000đồng (Hai tỷ tám trăm triệu đồng), thời hạn vay là 06 (sáu) tháng; lãi suất 1,2%/tháng (một phẩy hai phần trăm một tháng); mục đích vay tiền để trả khoản nợ vay đến hạn tại Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Hưng Yên và giải chấp hợp đồng thế chấp để nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ),_quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 949122, sổ vào sổ: CH 00214 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K cấp ngày 10/01/2014 cho vợ chồng ông D1 và bà Th khi đó đang thế chấp tại Ngân hàng. Khi hợp đồng trên được lập có sự tham gia, ký kết của vợ chồng bà Th, ông D1 và con trai bà Th, ông D1 là anh Trần Bá H, cùng anh. Ngoài ra không còn ai khác tham gia, chứng kiến. Hợp đồng ký kết giữa hai bên đến nay cũng chưa qua Công chứng hay chứng thực nhưng anh khẳng định đó đúng là chữ ký của anh và của bà Th, ông D1, anh H.

Khi vay giữa hai bên có thỏa thuận về tài sản bảo đảm cho khoản vay tại Hợp đồng là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BO 949122 đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP A. Vợ chồng bà Th, ông D1 đã cam kết sau khi giải chấp tại Ngân hàng sẽ tiếp tục thế chấp GCNQSDĐ để vay vốn ngân hàng, sử dụng nguồn vay để thanh toán cho anh. Trong trường hợp không thể thanh toán khoản nợ đúng thời hạn thì vợ chồng bà Th, ông D1 có trách nhiệm bàn giao quyền sử dụng đất trên cho anh để xử lý thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, anh H cũng đã thay mặt bà Th, ông D1 thực hiện việc trả lãi đợt 1 vào ngày 20/11/2018 với số tiền 100.800.000đ (Một trăm triệu, tám trăm nghìn đồng) và trả tiền gốc 02 đợt vào ngày 26/11/2018 và ngày 23/12/2018 với tổng số tiền đã thanh toán là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Tuy nhiên, sau đó anh H, cũng như vợ chồng bà Th, ông D1 không trả số tiền gốc và lãi còn lại cho anh, mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu ông D1 bà Th trả nợ. Anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Th, ông D1 phải thanh toán trả ngay cho anh số tiền nợ gốc và lãi tính

đến ngày 21/5/2020 là 2.366.199.040đ (Hai tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi đồng).

Đối với tài sản bảo đảm: Anh Đỗ Tiến D cho rằng mặc dù hợp đồng vay tiền có thể chấp đã ký kết chưa đầy đủ về hình thức do chưa được công chứng hoặc chứng thực nhưng giữa hai bên đã tự thực hiện ít nhất 2/3 nghĩa vụ trong giao dịch nên phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 129 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó việc thế chấp tài sản bảo đảm cần được công nhận có hiệu lực pháp luật. Anh đề nghị trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện bàn giao cho anh tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản theo GCNQSDĐ số: BO 949122, số vào sổ: CH 00214 do UBND huyện K cấp ngày 10/01/2014 cho ông D1 và bà Th. Anh D xác định việc ký kết hợp đồng trên với bà Th, ông D1 vợ anh là chị H1 không biết, không tham gia nên xác định chị H1 không liên quan đến vụ án này.

Tại lời khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn ông ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th thống nhất trình bày:

Do cần tiền đáo hạn ngân hàng nên bà Th, ông D1 đã kí kết hợp đồng vay của anh D số tiền 2.800.000.000đ (Hai tỷ tám trăm triệu đồng), thời hạn vay là 06 (sáu) tháng; lãi suất 1,2%/tháng (một phẩy hai phần trăm một tháng). Để đảm bảo sự tin tưởng cho anh D về mặt pháp luật nên vợ chồng ông, bà đã bàn giao cho anh D giữ bản chính GCNQSDĐ số: BO 949122, số vào sổ: CH 00214 do UBND huyện K cấp ngày 10/01/2014 đứng tên vợ chồng ông, bà. Trong trường hợp không thể thanh toán khoản nợ đúng thời hạn thì vợ chồng ông, bà có trách nhiệm bàn giao quyền sử dụng đất trên cho anh D để xử lý thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Ông, bà ủy quyền cho con trai là anh Trần Bá H, sinh năm 1984 ở xóm 23, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên đứng ra nhận tiền vay, trả gốc, lãi, bàn giao GCNQSDĐ và các công việc khác có liên quan đến hợp đồng này với anh Đỗ Tiến D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, anh H cũng đã thay mặt ông, bà thực hiện việc trả lãi đợt 1 vào ngày 20/11/2018 với số tiền 100.800.000đ (Một trăm triệu, tám trăm nghìn đồng) và trả tiền gốc 02 đợt vào ngày 26/11/2018 và ngày 23/12/2018 với tổng số tiền đã thanh toán là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng). Tuy nhiên, sau đó do điều kiện gia đình ông, bà gặp nhiều khó khăn nên không thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và trả lãi theo hợp đồng cho anh D được. Quan điểm của ông, bà đều xác định nhất trí với quan điểm của bên nguyên đơn, nhất trí với số tiền mà bên nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả gồm cả gốc và lãi tính đến ngày 21/5/2020 sau khi đối trừ, tổng còn nợ là 2.366.199.040đ (Hai tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi đồng). Đồng thời ông, bà cũng nhất trí việc bên nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ thời điểm tiếp theo (tức từ ngày 22/5/2020) và không yêu cầu Tòa án xem xét ghi trong bản án, quyết định. Tuy

nhiên do điều kiện hoàn cảnh của vợ chồng ông, bà hiện khó khăn nên ông, bà chưa trả được. Đối với tài sản đảm bảo như bên nguyên đơn yêu cầu nếu ông, bà bán được thì sẽ trả nợ, còn nếu không bán được thì đề nghị giải quyết theo pháp luật. Do xác định điều kiện kinh tế hiện gặp nhiều khó khăn nên ông D1 và bà Th có đơn đề nghị xin được miễn, giảm án phí dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Bá H trình bày: Anh thống nhất như lời khai, quan điểm của ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thủy H1 trình bày: Chị xác định số tiền anh Đỗ Tiến D chồng chị cho ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th vay là tiền riêng của anh D. Việc cho vay chị không tham gia, chứng kiến và không liên quan nên để anh Đỗ Tiến D tự giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 18/11/2020, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên đã xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Tiến D đối với yêu cầu trả nợ theo hợp đồng vay tiền số: 01/2018/HĐVT ngày 20/11/2018. Buộc ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho anh Đỗ Tiến D số tiền còn nợ tính đến hết ngày 21/5/2020 là 2.366.199.040đ (Hai tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Tiến D về việc không yêu cầu ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th phải trả lãi từ thời điểm tiếp theo (ngày 22/5/2020) cho đến khi ông D1, bà Th trả nợ xong. Tuyên bố hợp đồng vay tiền số: 01/2018/HĐVT ngày 20/11/2018 vô hiệu phần tài sản bảo đảm. Buộc anh Đỗ Tiến D có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th GCNQSDĐ số: BO 949122, sổ vào sổ: CH 00214 do UBND huyện K cấp ngày 10/01/2014 đứng tên ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th, diện tích 505,6m², thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 23, tại địa chỉ: Xóm 23, thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/11/2020, nguyên đơn anh Đỗ Tiến D có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên sửa lại bản án sơ thẩm theo hướng: Hợp đồng vay tiền số 01/2018/HĐVT ngày 20/11/2018 có hiệu lực pháp luật đầy đủ, không bị vô hiệu về bất cứ nội dung nào; ghi nhận việc anh Đỗ Tiến D tự nguyện không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng và hủy bỏ nội dung thỏa thuận về lãi suất, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lãi suất theo nội dung hợp đồng vay tiền đã ký; công nhận anh Đỗ Tiến D có quyền và nghĩa vụ pháp lý của bên nhận thế chấp đối với tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật kể từ thời điểm hợp đồng được ký kết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Đỗ Tiến D, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đỗ Đức T, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đường Khánh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Về tiền lãi: đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông D1, bà Th phải trả cho anh Đỗ Tiến D tiền lãi từ ngày 21/5/2020 đến ngày 26/4/2021, tính tròn là 11 tháng của số tiền nợ gốc chưa trả 1.800.000.000đ là: 356.400.000đ (*Ba trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền cả nợ gốc còn lại và lãi tính đến ngày 26/4/2021 ông D1 bà Th phải trả cho anh Đỗ Tiến D là 2.722.599.040đ (*Hai tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, không trăm linh bốn đồng*).

Bị đơn ông D1 và bà Th đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, xin nguyên đơn phần lãi suất. Ông bà có đơn trình bày có hoàn cảnh khó khăn, là người cao tuổi, đề nghị Tòa án miễn, giảm án phí dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 không chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Tiến D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên. Anh Đỗ Tiến D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Đỗ Tiến D trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết. Nguyên đơn anh Đỗ Tiến D vắng mặt nhưng có mặt người được ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Bá H và chị Nguyễn Thủy H1 đều vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày rõ quan điểm, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đỗ Tiến D, anh Trần Bá H và chị Nguyễn Thủy H1.

[2]. Xét kháng cáo của anh Đỗ Tiến D thì thấy:

Hợp đồng vay tiền số: 01/2018/HĐVT ngày 20/11/2018 giữa anh Đỗ Tiến D và vợ chồng ông Trần Bá D1, bà Đỗ Thị Th có thể chấp GCNQSDĐ và tài sản trên đất để bảo đảm nghĩa vụ trả tiền nợ vay. Khi tham gia giao dịch các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật về việc thế chấp quyền sử dụng đất của cá nhân phù hợp với quy định tại Điều 317 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Dân sự về đăng ký tài sản thì quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản là bất động sản được đăng ký theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đăng ký tài sản; điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP của Chính phủ

quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm thì thế chấp GCNQSDĐ thuộc trường hợp buộc phải đăng ký giao dịch bảo đảm; tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 quy định hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng, chứng thực; tại khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định rõ việc thế chấp quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính. Giao dịch về việc thế chấp GCNQSDĐ giữa anh D với vợ chồng ông D1, bà Th chưa được đăng ký theo quy định của pháp luật nên giao dịch chưa có hiệu lực pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hợp đồng vay tiền số: 01/2018/HĐVT ngày 20/11/2018 vô hiệu phần tài sản bảo đảm. Căn cứ vào Điều 130 và Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc anh Đỗ Tiến D có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th GCNQSDĐ số: BO 949122, sổ vào sổ: CH 00214 do UBND huyện K cấp ngày 10/01/2014 đứng tên ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th, diện tích 505,6m², thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 23, tại địa chỉ: Xóm 23, thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do Hợp đồng vay tiền vô hiệu phần tài sản bảo đảm nên anh D không có quyền và nghĩa vụ pháp lý của bên nhận thế chấp đối với tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật kể từ thời điểm hợp đồng được ký kết. Nội dung kháng cáo của anh D yêu cầu công nhận hợp đồng vay tiền số 01/2018/HĐVT ngày 20/11/2018 có hiệu lực pháp luật đầy đủ, không bị vô hiệu về bất cứ nội dung nào, anh D có quyền và nghĩa vụ pháp lý của bên nhận thế chấp đối với tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật kể từ thời điểm hợp đồng được ký kết không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi: Anh Đỗ Tiến D kháng cáo yêu cầu ông D1 bà Th phải trả cho anh lãi suất của số tiền nợ gốc còn lại từ ngày 22/5/2020 đến ngày xét xử phúc thẩm 26/4/2021 tính tròn là 11 tháng số tiền là 356.400.000đồng: Bà Th ông D1 xin phần lãi suất nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Xét thấy anh Đỗ Tiến D kháng cáo nội dung này trong phạm vi yêu cầu khởi kiện và có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi được tính như sau: $1.800.000.000\text{đồng} \times 150\% \times 1,2\% / \text{tháng} = 32.400.000\text{đồng} \times 11 \text{ tháng} = 356.400.000\text{đ}$ (Ba trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) buộc ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th phải có trách nhiệm trả cho anh Đỗ Tiến D.

Ghi nhận việc anh D không buộc bà Th ông D1 phải thanh toán khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng vay nợ trong bản án.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Tiến D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch. Ông D1 bà Th là người cao tuổi, điều kiện gia đình khó khăn,

có đơn đề nghị Tòa án miễn, giảm án phí được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K xác nhận, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự cho ông D1, bà Th theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Đỗ Tiến D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đỗ Tiến D về lãi suất, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên. Buộc ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Đỗ Tiến D số tiền nợ gốc còn lại và lãi tính đến ngày 26/4/2021 là 2.722.599.040đ (*Hai tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, không trăm linh bốn đồng*).

Ghi nhận việc anh Đỗ Tiến D không buộc ông Trần Bá D1 bà Đỗ Thị Th phải thanh toán khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng vay nợ.

Tuyên bố hợp đồng vay tiền số: 01/2018/HĐVT ngày 20/11/2018 vô hiệu phần tài sản đảm bảo. Buộc anh Đỗ Tiến D có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BO 949122, số vào sổ: CH 00214 do UBND huyện K cấp ngày 10/01/2014 đứng tên ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th, diện tích 505,6m², thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 23, tại địa chỉ: Xóm 23, thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh D có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, ông D1, bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Đỗ Tiến D về hợp đồng vay tiền số 01/2018/HĐVT ngày 20/11/2018 có hiệu lực pháp luật đầy đủ và anh có quyền và nghĩa vụ pháp lý của bên nhận thế chấp đối với tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật kể từ thời điểm hợp đồng được ký kết vì không có căn cứ.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Tiến D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được đối trừ vào số tiền 39.660.000đ anh D đã nộp tạm ứng án phí dân sự theo biên lai thu số 0002286, ngày

03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh Đỗ Tiến D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Đỗ Tiến D số tiền 39.360.000đ (*Ba mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đỗ Tiến D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh D số tiền tạm ứng kháng cáo 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh D đã nộp theo biên lai thu số 0002480, ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông Trần Bá D1 và bà Đỗ Thị Th.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Nga